

DỰ TOÁN TỔNG THỂ

DỰ TOÁN

- Dự toán: một loại kế hoạch nhằm liên kết các mục tiêu cụ thể, chỉ rõ các tài nguyên phải sử dụng đồng thời dự tính kết quả thực hiện trên cơ sở các kỹ thuật dự báo
 - + nghĩa hẹp: ước tính toàn bộ TN, CP của DN trong một thời kỳ để đạt được một mục tiêu nhất định
 - + nghĩa rộng: dự kiến các công việc, nguồn lực cần thiết để thực hiện những dự báo trong một tổ chức
- Phân loại dự toán:
 - + DT ngắn hạn: liên quan đến hầu hết mọi hđ của DN
 - + DT dài hạn: liên quan đến việc đầu tư của DN

Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG CỦA DT TỔNG THỂ

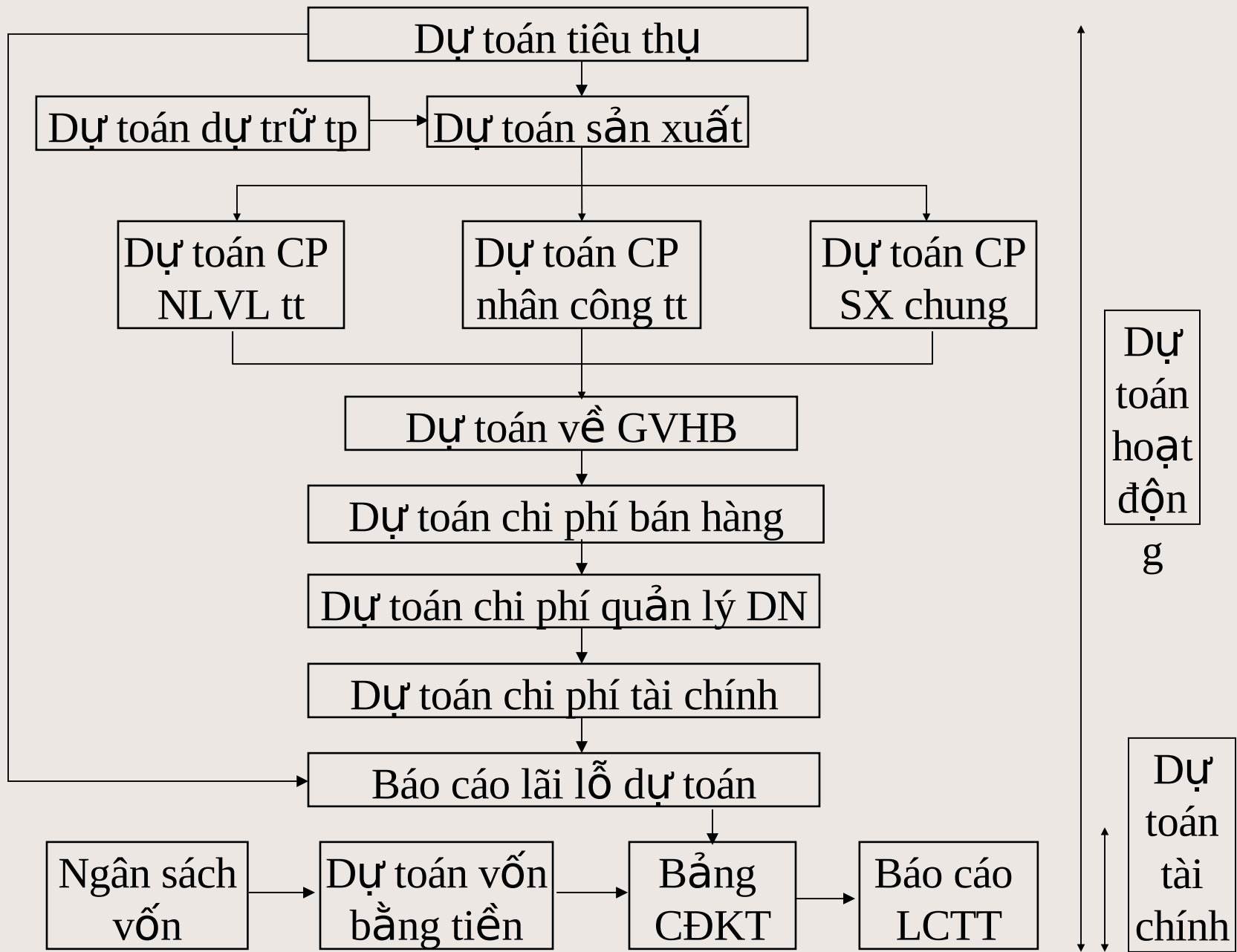
- Ý nghĩa: +
Sự tiên liệu tương lai có hệ thống → so sánh và đánh giá các mục tiêu hoạt động thực tiễn
 - + Cơ sở để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của DN, phương tiện để phối hợp các bộ phận trong DN
 - + Phương thức truyền thông để trao đổi các vấn đề liên quan đến mục tiêu, quan điểm và kết quả đạt được
- Nội dung:
 - + Là tổ hợp của nhiều dự toán của mọi hoạt động của DN, có liên hệ với nhau trong một thời kỳ nào đó
 - + Bao gồm hai phần chính: dự toán hoạt động và dự toán tài chính

DỰ TOÁN HOẠT ĐỘNG

- + Dự toán tiêu thụ
- + Dự toán sản xuất
- + Dự toán chi phí vật tư và cung ứng vật tư cho sản xuất
- + Dự toán lao động trực tiếp
- + Dự toán chi phí sxc
- + Dự toán giá vốn hàng bán
- + Dự toán chi phí bán hàng
- + Dự toán chi phí QLDN
- + Dự toán chi phí tài chính

DỰ TOÁN TÀI CHÍNH

- + Dự toán vốn
- + Dự toán vốn bằng tiền
 - + Báo cáo kqkd dự toán
 - + Bảng CĐKT dự toán
 - + Báo cáo LCTT dự toán



DỰ BÁO TIÊU THỤ CỦA DN

- Phân biệt dự báo và dự toán
- Các nhân tố ảnh hưởng đến dự báo tiêu thụ:
 - + Về mặt xã hội: tình hình tiêu thụ những năm trước, tình hình chung của nền kinh tế, thu nhập đầu người, việc làm, chính sách giá cả, quảng cáo..
 - + Về hướng tiếp cận Marketing: quy mô thị trường...
- Các phương pháp dự báo tiêu thụ:
 - + PP định tính: dựa trên kinh nghiệm
 - + PP định lượng: áp dụng các kỹ thuật của thống kê toán → dự báo

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG DT TỔNG THỂ

1. Dự toán tiêu thụ:

+ nền tảng của dự toán tổng thể DN

+ lập dựa trên dự báo tiêu thụ

+ bao gồm thông tin về chủng loại, số lượng hàng bán, giá bán, cơ cấu sp tiêu thụ, dự báo cả mức tiêu thụ thu bằng tiền, tiêu thụ tín dụng, các phương thức tiêu thụ

Dự toán doanh thu tiêu thụ = Dự toán số sp tiêu thụ * Đơn giá bán theo dự toán

Ví dụ: trích ví dụ minh họa tổng hợp

Để lập dự toán tổng thể, một công ty có số liệu như sau:

1/Bảng CĐKT ngày 31/12/200X như sau: (đvt: 1.000đ)

Tiền	10.000
Khoản phải thu khách hàng	16.000
Nguyên vật liệu	3.000
Thành phẩm	19.140
Nguyên giá TSCĐ	57.000
Hao mòn TSCĐ	(5.140)
Tổng tài sản	100.000
Phải trả nhà cung cấp	20.000
Nguồn vốn kinh doanh	75.000
Lợi nhuận chưa phân phối	5.000
Tổng Nguồn vốn	100.000

2/ Số lượng sản phẩm tiêu thụ trong các tháng:

Tháng	1	2	3
Số lượng sp tiêu thụ	5.000	8.000	6.000

Đơn giá bán dự kiến là 10.000đ/sp. Theo kinh nghiệm của công ty, 60% doanh thu ghi nhận trong tháng sẽ thu được tiền trong tháng bán hàng, số còn lại sẽ thu được tiền sau 1 tháng bán hàng. Khoản phải thu khách hàng trên bảng cân đối kế toán sẽ thu được tiền trong tháng 1. Ở công ty không có nợ quá hạn.

3/ Công ty mong muốn lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng phải tương đương 20% khối lượng sp tiêu thụ tháng đến. Biết rằng số lượng thành phẩm tồn đầu năm là 2.200 sp, số lượng thành phẩm tồn kho cuối quý theo mong muốn là 1.000 sp

4/ Định mức nguyên liệu để sản xuất 1 sp là: 0,2kg/sp với đơn giá 20.000đ/kg. Nguyên vật liệu tồn cuối mỗi tháng tương đương với 10% lượng nguyên vật liệu sử dụng tháng đến. Lượng vật liệu tồn cần thiết cuối tháng 3 là 170 kg. Nhà cung cấp cho phép công ty trả tiền mua nguyên vật liệu sau 1 tháng mua hàng. Số tiền còn nợ nhà cung cấp trên bảng cân đối kế toán là số tiền công ty đã mua nguyên vật liệu trong tháng 12 và sẽ được công ty trả trong tháng 1.

5/ Để sản xuất 1 sp cần 0,5 giờ công, với đơn giá 6.000đ/giờ. Chi phí nhân công phát sinh trong tháng nào thì trả ngay cho công nhân trong tháng đó.

6/ Chi phí sản xuất chung dự kiến:

- Định phí sản xuất chung hàng tháng là 5.000.000đ/tháng trong đó chi phí khấu hao là 1.000.000đ, các chi khác đều trả bằng tiền trong tháng phát sinh.

- Biến phí sản xuất chung trên một giờ công lao động trực tiếp là 2.000đ/giờ. Các biến phí sẽ được thanh toán bằng tiền trong tháng khi chi phí được ghi nhận.

7/ Biến phí bán hàng (hoa hồng) và biến phí quản lý chiếm 5% doanh thu. Định phí bán hàng và quản lý hàng tháng là 2.000.000đ, trong đó chi phí khấu hao là 500.000. *Các chi phí phát sinh trả bằng tiền khi chi phí được ghi nhận*

8/ Các thông tin bổ sung: công ty sử dụng phương pháp FIFO trong tính giá thành phẩm xuất kho, đầu và cuối mỗi tháng không có sản phẩm dở dang. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 28%.

Ví dụ: DỰ TOÁN TIÊU THỤ

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
1. Số lượng sản phẩm tiêu thụ (cái)	5.000	8.000	6.000
2. Đơn giá (10.000đ)	10	10	10
3. Doanh thu (1.000đ)	50.000	80.000	60.000

Ví dụ: DỰ KIẾN LỊCH THU TIỀN

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
1. Doanh thu (1.000đ)	50.000	80.000	60.000
2. Thu tiền trong tháng bán hàng = (1) x 0,6	30.000	48.000	36.000
3. Thu tiền sau 1 tháng bán hàng	16.000	20.000	32.000
4. Tổng tiền thu được trong tháng = (2) + (3)	46.000	68.000	68.000

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG DT TỔNG THỂ

2. Dự toán sản xuất:

- Xác định số lượng, chủng loại sản phẩm sản xuất trong kỳ đến

- Dựa vào:

+ số lượng sp tồn kho đầu kỳ

+ số lượng sp tiêu thụ dự toán

+ nhu cầu sp tồn kho cuối kỳ

+ khả năng sản xuất của đơn vị

$$\begin{array}{ccccccc} \text{số lượng} & & \text{nhu cầu} & & \text{số sp} & & \text{số sp tồn} \\ \text{sp cần sx} & = & \text{sp tồn kho} & + & \text{tiêu thụ} & - & \text{đầu kỳ theo} \\ \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{dự toán} \end{array}$$

Khối lượng sản xuất dự toán = Min {Khối lượng sản xuất yêu cầu, Khối lượng sản xuất theo khả năng}

Ví dụ: DỰ TOÁN SẢN XUẤT

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
1. Số lượng sản phẩm tiêu thụ (cái)	5.000	8.000	6.000
2. Số lượng TP tồn kho cuối kì	1.600	1.200	1.000
3. Tổng nhu cầu thành phẩm	6.600	9.200	7.000
4. Số lượng TP tồn kho đầu kì	2.200	1.600	1.200
5. Số lượng thành phẩm cần sx	4.400	7.600	5.800

3. Dự toán chi phí sản xuất: xác định toàn bộ CP để sản xuất một khối lượng sản xuất đã được xác định trước

3.1 Dự toán CP nguyên liệu, vật liệu trực tiếp:

- phản ánh tất cả CP NLVL tt cần thiết để đáp ứng yêu cầu sản xuất (trên dự toán khối lượng sp sản xuất)
- xác định: định mức tiêu hao NL để sản xuất một sp, đơn giá xuất NVL, mức độ dự trữ NLV

DỰ TOÁN CHI PHÍ NLVL TRỰC TIẾP

Dự toán lượng NVL sử dụng = Định mức tiêu hao NVL * Số lượng SP sản xuất theo dự toán

Dự toán CP NVL trực tiếp = Dự toán lượng NVL sử dụng * Đơn giá xuất NVL

DN sử dụng nhiều loại vật liệu có đơn giá khác nhau, sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau

$$CPVL = \sum_i^n \sum_j^m Q_i M_{ij} G_j$$

M_{ij} : mức hao phí vật liệu j để sản xuất 1 sản phẩm i

G_j : đơn giá vật liệu loại j

Q_i : số lượng sản phẩm i dự toán sản xuất

3.2 Dự toán cung cấp nguyên vật liệu:

- Được lập cho từng loại nguyên vật liệu cần thiết để thực hiện quá trình sản xuất

- Dựa trên cơ sở số lượng nguyên vật liệu dự toán cần thiết sử dụng và chính sách dự trữ tồn kho của DN

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số lượng} & & \text{SL NVL sử} & & \text{SL NVL tồn} & & \text{SL NVL} \\ \text{NVL mua} & = & \text{dụng theo} & + & \text{cuối kỳ theo} & - & \text{tồn thực} \\ \text{vào} & & \text{dự toán} & & \text{dự toán} & & \text{tế đầu kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Dự toán tiền mua} & = & \text{Dự toán} \\ \text{NVL trực tiếp} & & \text{lượng NVL} \\ & & \text{mua vào} \end{array} * \begin{array}{c} \text{Đơn giá NVL} \\ \text{mua vào} \end{array}$$

Ví dụ: DỰ TOÁN CHI PHÍ NVL TRỰC TIẾP

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
1. Số lượng TP cần sản xuất	4.400	7.600	5.800
2. Định mức vật liệu/sp (kg/sp)	0,2	0,2	0,2
3. Tổng lượng vật liệu dung vào SX	880	1.520	1.160
4. Đơn giá VL (1.000đ/kg)	20	20	20
5. Chi phí NVL TT (1.000đ)	17.600	30.400	23.200

Ví dụ: DỰ TOÁN CUNG ỨNG VẬT LIỆU

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
3. Tổng lượng vật liệu dùng vào SX (kg)	880	1.520	1.160
2. Lượng vật liệu tồn cuối kì (kg)	152	116	170
3. Tổng nhu cầu về lượng vật liệu (kg)	1.032	1.636	1.330
4. Lượng vật liệu tồn đầu kì (kg)	150	152	116
5. Lượng vật liệu mua vào (kg)	882	1.484	1.214
6. Đơn giá vật liệu (1.000đ/kg)	20	20	20
7. Số tiền cần mua vật liệu (1.000đ)	17.640	29.680	24.280
8. Trả tiền mua vật liệu (1.000đ)	20.000	17.640	29.680

DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT

3.3 Dự toán CP nhân công trực tiếp:

- Mục tiêu: duy trì lực lượng lao động vừa đủ để đáp ứng yêu cầu sản xuất

→ cơ sở để lập dự toán về đào tạo, tuyển dụng

- Chi phí nhân công tt: biến phí? định phí? trong mối quan hệ với khối lượng sản phẩm sản xuất

- Đối với biến phí nhân công trực tiếp:

$$CPNCTT = \sum_i^m \sum_j^n Q_i M_{ij} G_j \quad \text{hoặc} \quad CPNCTT = \sum_i^m Q_i L_i$$

M_{ij} : mức hao phí lao động trực tiếp loại j để sản xuất 1sp i

G_j : đơn giá lương của lao động loại j

Q_i : số lượng sản phẩm i dự toán sản xuất

L_j : đơn giá lương tính cho mỗi sản phẩm

Ví dụ: DỰ TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
1. Số lượng TP cần sản xuất (sp)	4.400	7.600	5.800
2. Định mức giờ công/sp (g/sp)	0,5	0,5	0,5
3. Tổng giờ công dùng vào SX (g)	2.200	3.800	2.900
4. Đơn giá giờ công (1.000đ/kg)	6	6	6
5. Chi phí NC TT (1.000đ)	13.200	22.800	17.400
6. Chi trả tiền lương cho công nhân (1.000đ)	13.200	22.800	17.400

DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT

3.4 Dự toán CP sản xuất chung:

- Mục tiêu: nhằm giảm thấp chi phí và giá thành sp
- CP sản xuất chung: biến phí? định phí?

Dự toán CP sản xuất chung = Dự toán biến phí sx chung + Dự toán định phí sx chung

Dự toán biến phí sx chung = Dự toán biến phí đơn vị sx chung * sản lượng sản xuất theo dự toán

Dự toán biến phí sx chung = Dự toán biến phí trực tiếp chung * tỷ lệ biến phí theo dự kiến

Dự toán định phí sx chung = Định phí sxc thực tế kỳ trước * Tỷ lệ % tăng (giảm) định phí sxc dự kiến

Ví dụ: DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
1. Tổng giờ công dùng vào SX	2.200	3.800	2.900
2. Biến phí SXC/ giờ công (1.000đ/g)	2	2	2
3. Tổng biến phí SXC (1.000đ)	4.400	7.600	5.800
4. Định phí sản xuất chung (1.000đ)	5.000	5.000	5.000
5. Tổng chi phí SXC (1.000đ)	9.400	12.600	10.800

DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT

3.5 Dự toán giá vốn hàng bán:

- GVHB: tổng giá thành của khối lượng sp tiêu thụ trong kỳ tính theo pp giá toàn bộ

$$\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{GVHB} \end{array} = \begin{array}{l} \Sigma \text{ giá thành sp} \\ \text{sản xuất trong} \\ \text{kỳ theo dự toán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{sp tồn đầu} \\ \text{kỳ thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{sp tồn cuối} \\ \text{kỳ dự toán} \end{array}$$

Ví dụ: DỰ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
1. Chi phí NLVL trực tiếp	17.600	30.400	23.200
2. Chi phí NC trực tiếp	13.200	22.800	17.400
3. Tổng chi phí SXC	9.400	12.600	10.800
4. Tổng chi phí SX (ΣZ)	40.200	65.800	51.400
5. Số lượng sp sản xuất	4.400	7.600	5.800
6. Giá thành đơn vị	9,136363 6	8,65789 4	8,86206 8
7. Số lượng sp tồn kho cuối kì	1.600	1.200	1.000
8. Giá thành sp tồn kho đầu kì	19.140	14.618,1 8	10.389,4 7
9. Giá thành sp tồn kho cuối kì	14.618,1 9	10.389,4 7	8.862

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG DT TỔNG THỂ

4. Dự toán chi phí bán hàng:

- Phản ánh các CP liên quan đến việc tiêu thụ sp dự tính của kỳ sau
- Mối liên hệ giữa CP bán hàng và dự toán tiêu thụ

Dự toán CP bán hàng	=	Dự toán biến phí bán hàng	+	Dự toán định phí bán hàng
Dự toán biến phí bán hàng	=	Dự toán biến phí đơn vị bán hàng	*	Sản lượng tiêu thụ theo dự toán
Dự toán biến phí bán hàng	=	Dự toán biến phí trực tiếp	*	Tỷ lệ biến phí theo dự kiến
Dự toán định phí bán hàng	=	Định phí bán hàng thực tế kỳ trước	*	Tỷ lệ % tăng (giảm) định phí BH dự kiến

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG DT TỔNG THỂ

5. Dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp (QLDN):

- Phụ thuộc vào cơ cấu tổ chức của DN

Dự toán CP
quản lý DN = Dự toán biến
phí quản lý DN + Dự toán định phí
quản lý DN

Dự toán biến
phí QLDN = Dự toán biến
phí đơn vị
QLDN * Sản lượng tiêu
thụ theo dự toán

Dự toán biến
phí QLDN = Dự toán biến
phí trực tiếp * Tỷ lệ biến phí
QLDN

+ định phí QLDN thường không thay đổi theo mức độ
hđ +
dựa vào dự báo các nội dung cụ thể của từng yếu tố
CP

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG DT TỔNG THỂ

6. Dự toán chi phí tài chính:

- Quan tâm đến chi phí lãi vay phải trả
- Cơ sở: số tiền cần vay dài hạn, ngắn hạn và tỷ suất vay

7. Dự toán báo cáo kết quả kinh doanh:

- Thể hiện kỳ vọng của các nhà quản lý
→ một công cụ quản lý để ra các quyết định, là cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện dự toán đã đề ra
- Căn cứ: dự toán doanh thu, dự toán giá vốn, và các dự toán chi phí ngoài sản xuất
- PP: lập theo pp toàn bộ hoặc theo pp trực tiếp

DỰ TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Dự toán báo cáo lãi lỗ theo PP tính giá toàn bộ		Dự toán báo cáo lãi lỗ theo PP tính giá trực tiếp	
Doanh thu dự toán	xxx	Doanh thu	xxx
Giá vốn hàng bán dự toán	xxx	Biến phí SX hàng bán	xxx
Lợi nhuận gộp theo dự toán	xxx	Biến phí bán hàng và QLDN	xxx
Chi phí BH &QLDN dự toán	xxx	Số dư đảm phí	xxx
Lợi nhuận thuần từ HĐKD dự toán	xxx	Định phí sản xuất chung	xxx
		Định phí bán hàng và QLDN	xxx
		Lợi nhuận thuần từ HĐKD	xxx

Ví dụ: DỰ TOÁN BÁO CÁO LÃI LỖ

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
1. Doanh thu	50.000	80.000	60.000
2. Giá vốn hàng bán	44.721,80	70.028,72	52.927,47
3. Lợi nhuận gộp	5.278,19	9.971,28	7.072,53
4. Biến phí BH và QLDN	2.500	4.000	3.000
5. Định phí BH và QLDN	2.000	2.000	2.000
6. Lợi nhuận trước thuế	778,19	3.971,28	2.072,53

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG DT TỔNG THỂ

8. Dự toán vốn bằng tiền:

- Tính toán các luồng tiền mặt, TGNH thu vào và chi ra liên quan đến các mặt hoạt động của DN

- Một trong những dự toán quan trọng của DN

- Thời gian lập: hằng năm, hằng quý, hằng tháng...

ngày

- Các đặc điểm cần chú ý:

- + lập từ các khoản TN và CP của dự toán hoạt động, dự toán vốn và dự toán chi phí tài chính

- + dự đoán khoảng thời gian giữa DT (CP) được ghi nhận và thời điểm thu tiền thực tế (trả tiền thực tế)

- không dùng tiền

- quỹ tiền tối thiểu tại đơn vị

- + loại trừ các khoản chi

- + xây dựng số dư tồn

Ví dụ: DỰ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
1. Dòng tiền thu trong tháng	46.000	68.000	68.000
2. Trả tiền mua vật liệu	20.000	17.640	29.680
3. Trả lương	13.200	22.800	17.400
4. Trả tiền chi phí sxc	8.400	11.600	9.800
5. Trả tiền cho biến phí BH&QLDN	2.500	4.000	3.000
6. Trả tiền cho định phí BH&QLDN	1.500	1.500	1.500
7. Tổng dòng tiền ra	45.600	57.540	61.380
8. Chênh lệch thu chi	400	10.460	6.620
9. Tiền tồn đầu kì	10.000	10.400	20.860
10. tiền tồn cuối kì	10.400	20.860	27.480

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG DT TỔNG THỂ

9. Dự toán bảng cân đối kế toán:

- Căn cứ vào bảng CĐKT của thời kỳ trước và tình hình nhân tố của các chỉ tiêu được dự tính trong kỳ

Ví dụ: DỰ TOÁN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản	01/01/200X	31/3/200X
Tiền	10.000	27.480
Khoản phải thu KH	16.000	24.000
Nguyên vật liệu	3.000	3.400
Thành phẩm	19.140	8.862
Nguyên giá TSCĐ	57.000	57.000
Hao mòn TSCĐ	(5.140)	(9.640)
Tổng	100.000	111.102
Nguồn vốn	01/01/200X	31/3/200X
Phải trả nhà cung cấp	20.000	24.280
nguồn vốn kinh doanh	75.000	75.000
Lợi nhuận chưa phân phối	5.000	11.822
Tổng	100.000	111.102

DỰ TOÁN LINH HOẠT

- Dự toán được xây dựng dựa trên một *phạm vi hoạt động thay* vì một mức hoạt động

→ kết quả thực hiện được so sánh với dự toán ở mức hoạt động dự toán?

- Trình tự lập dự toán linh hoạt:

+ Bước 1: Xác định phạm vi phù hợp

+ Bước 2: xác định cách ứng xử của chi phí

+ Bước 3: Xác định biến phí đơn vị dự toán

+ Bước 4: Xây dựng dự toán linh hoạt

định phí không thay đổi (trong phạm vi hđ liên quan)
tổng biến phí = $\frac{\text{biến phí đơn vị dự toán}}{\text{mức hoạt động thực tế}}$ *

Ví dụ: DỰ TOÁN LINH HOẠT

- Công ty ABC đã xây dựng dự toán tính sản xuất 25.000 sp nhưng thực tế chỉ sản xuất được 20.000 sp. Báo cáo phân tích chi phí sản xuất của công ty được lập như sau:

Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện	CL
1. Số lượng sản phẩm sản xuất (sp)	25.000	20.000	-5.000
2. Biến phí sản xuất (1.000đ)	162.500	138.000	-24.500
a. Chi phí NVL TT (1.000đ)	75.000	64.000	-11.000
b. Chi phí NCTT (1.000đ)	50.000	44.000	-6.000
c. Biến phí sản xuất chung (1.000đ)	37.500	30.000	7.500
3. Định phí sxc (1.000đ)	20.000	22.000	+2.000

BẢNG TÍNH BIẾN PHÍ ĐƠN VỊ DỰ TOÁN

Biến phí	Tổng biến phí dự toán	tổng số lượng sp sx dự toán	Biến phí đơn vị dự toán
a. Chi phí NVL TT	75.000	25.000	3
b. Chi phí NCTT	50.000	25.000	2
c. Biến phí SXC	37.500	25.000	1.5

LẬP DỰ TOÁN LINH HOẠT

Chỉ tiêu	Biến phí đv dự toán	Dự toán linh hoạt		
		20.000 sp	22.000 sp	25.000 sp
2. Biến phí sản xuất	6.5	130.000	143.000	162.500
a. Chi phí NVL TT	3	60.000	66.000	75.000
b. Chi phí NCTT	2	40.000	44.000	50.000
c. Biến phí sxc	1.5	30.000	33.000	37.500
3. Định phí sxc		20.000	20.000	20.000
4. Tổng chi phí sản xuất		150.000	163.000	182.500

BẢNG PHÂN TÍCH CP DỰA TRÊN DỰ TOÁN LINH HOẠT

Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện	chênh lệch
1. Số lượng sản phẩm sản xuất	20.000	20.000	0
2. Biến phí sản xuất (1.000đ)	130.000	138.000	+8.000
a. Chi phí NVL TT (1.000đ)	60.000	64.000	+4.000
b. Chi phí NCTT (1.000đ)	40.000	44.000	+4.000
c. Biến phí SXC (1.000đ)	30.000	30.000	0
3. Định phí SXC (1.000đ)	20.000	22.000	+2.000
4. Tổng chi phí sản xuất	150.000	160.000	+10.000